

Số: 483/TB- THADS

Hiệp Hòa, ngày 09 tháng 4 năm 2025

**THÔNG BÁO**

**Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**

Căn cứ khoản 2 Điều 101 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và được sửa đổi, bổ sung năm 2022;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 11/8/2023 và Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm số 02/2023/QĐ-SCBSQĐ ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 112/QĐ-CCTHADS ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/QĐ-CCTHADS ngày 04/10/2024 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ kết quả chứng thư thẩm định giá số 266/2025/275/CT-TPV ngày 03/4/2025 của Công ty Cổ phần thẩm định giá và giám định Tiên Phong (Chi nhánh Bắc Giang), địa chỉ: Số 36, ngõ 7 6 đường Nguyễn Duy Năng, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Do các bên đương sự không thỏa thuận được về lựa chọn tổ chức bán đấu giá. Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, địa chỉ: Số 126, Đường Văn Tiến Dũng, tổ dân phố số 1, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, cần lựa chọn tổ chức bán đấu giá để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá các tài sản đã kê biên sau:

Quyền sử dụng đất diện tích 498,8m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 107, tờ bản đồ số 34, địa chỉ thửa đất: Thôn Lạc Yên 1, xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hình thức sử dụng: Riêng 498,8m<sup>2</sup>, chung: Không. Mục đích sử dụng: Đất ở: 180,0m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm: 318,8m<sup>2</sup>. Thời gian sử dụng: Đất ở: Lâu dài, đất trồng cây lâu năm: 15/10/2043. Được UBND huyện Hiệp Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 527501 ngày 31/12/2014, tên người sử dụng đất: Đỗ Văn Khánh, sinh năm 1969, địa chỉ thường trú: Thôn Trường Sơn, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Tài sản gắn liền với diện tích đất kê biên gồm:

- 01 (Một) nhà ở 05 gian, tường xây 110mm, cửa đi, cửa sổ, cửa phòng bằng gỗ, nền lát gạch bông, mái khung gỗ lợp ngói mũi, diện tích 72,8m<sup>2</sup> (nhà làm năm 1978).
- 01 (Một) nhà bếp diện tích 30m<sup>2</sup>, tường xây 110mm, cửa đi bằng gỗ, mái khung gỗ lợp ngói mũi, nền lát gạch nung.
- 01 (Một) sân trước nhà ở lát gạch đất nung, diện tích 94,3m<sup>2</sup>.

- 01 (Một) tường bao xây gạch chỉ + cay bê tông xây 110mm bổ trụ, có diện tích 113,4m<sup>2</sup>.

- 01 (Một) khu chăn nuôi tường xây gạch 110mm, xây lửng hai mặt, cột mái bằng gỗ khung gỗ, mái lợp Prximang, diện tích 36,8m<sup>2</sup>.

- 01 (Một) cây Nhãn đường kính gốc từ 25cm đến 30cm; 02 (Hai) cây Hồng Xiêm đường kính gốc từ 0,5cm đến 10cm; 01 (Một) cây Vạn Tuế đường kính gốc từ 20cm đến 25cm; 01 (Một) cây Trám đường kính gốc từ 05cm đến 10cm; 04 (Bốn) cây Xưa đường kính gốc từ 03cm đến 05 cm; 01 (Một) cây Xưa đường kính gốc từ 30cm đến 40cm; 01 (Một) cây Sấu đường kính gốc từ 40cm đến 45cm; 03 (Ba) cây Xoan đường kính gốc từ 05cm đến 10cm; 02 (Hai) cây Ôi đường kính gốc từ 02cm đến 05cm; 02 (Hai) cây Mít đường kính gốc từ 05cm đến 15cm; 01 (Một) cây Bưởi đường kính từ 05cm đến 10cm.

Giá khởi điểm của tài sản đấu giá là: 1.278.377.000đ (Một tỷ, hai trăm bảy mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa thông báo để các tổ chức bán đấu giá biết, đăng ký.

**Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:**

- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.

- Phải có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.

- Tổ chức bán đấu giá phải có năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.

- Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.

- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

- Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

**Hồ sơ đăng ký bao gồm:**

- Văn bản đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ đấu giá tài sản, hồ sơ năng lực và các tài liệu khác có liên quan.

- Tổ chức bán đấu giá cung cấp bản chính hoặc sao văn bản chính các giấy tờ, tài liệu do tổ chức mình ban hành; cung cấp bản sao có công chứng chứng thực các giấy tờ, tài liệu khác không do tổ chức mình ban hành, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa không hoàn trả hồ sơ đối với tổ chức bán đấu giá không được lựa chọn.

**Thời gian nộp hồ sơ:** Từ ngày 09 đến 16 giờ 30 phút ngày 11/4/2025 (trong giờ hành chính).

Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp hoặc nộp trực tuyến.

**Địa điểm nộp hồ sơ:** Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, địa chỉ: Số 126, đường Văn Tiến Dũng, tổ dân phố số 1, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang./.

**Nơi nhận:**

-Trang thông tin Cục THADS tỉnh Bắc Giang;

-Cổng thông tin điện tử của Tổng THADS;

-Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;

- Lưu: VT, HSTHA.



**CHẤP HÀNH VIÊN**

**Trần Ngọc Hà**



## BẢNG TIÊU CHÍ

**ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**  
(kèm theo Thông báo số 483/TB-THADS ngày 09/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản)

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                 | MỨC TỐI ĐA         |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| I   | Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                                       |                    |
| 1.  | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                                           | Đủ điều kiện       |
| 2.  | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                                     | Không đủ điều kiện |
| II  | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá                                                                                                                                                                                           | 19,0               |
| 1.  | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                           | 10,0               |
| 1.1 | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc                                                                                                                                                                              | 5,0                |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện                                                                                                                                                                                                                     | 5,0                |
| 2.  | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                 | 5,0                |
| 2.1 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                               | 2,0                |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                                                                                               | 3,0                |
| 3.  | <b>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</b><br><b>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp</b> | 2,0                |
| 4.  | <b>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá</b>                                                                                                                                                            | 1,0                |



|     |                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|     | <i>bằng hình thức trực tuyến</i>                                                                                                                                         |      |
| 5.  | <i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>                                                                                                                                      | 1,0  |
| III | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả</b> ( <i>Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án</i> )                                                                    | 16,0 |
| 1.  | <i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>                                                       | 4,0  |
| 1.1 | <i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>                                                                                                                               | 2,0  |
| 1.2 | <i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>                                                                                                                       | 2,0  |
| 2.  | <i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>                  | 4,0  |
| 3.  | <i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>                                                                | 4,0  |
| 3.1 | <i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>                                                                                                                        | 2,0  |
| 3.2 | <i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>                                                                         | 2,0  |
| 4.  | <i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>         | 4,0  |
| IV  | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                                             | 57,0 |
| 1.  | <i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</i><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 15,0 |
| 1.1 | <i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                              | 12,0 |
| 1.2 | <i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                       | 13,0 |
| 1.3 | <i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                       | 14,0 |
| 1.4 | <i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>                                                                                                                                        | 15,0 |
| 2.  | <i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</i><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                  | 7,0  |
| 2.1 | <i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>                                                                                | 4,0  |
| 2.2 | <i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>                                                                                                           | 5,0  |
| 2.3 | <i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>                                                                                                           | 6,0  |
| 2.4 | <i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>                                                                                                                                  | 7,0  |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 3.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                              | 7,0 |
| 3.1 | Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4,0 |
| 3.2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5,0 |
| 3.3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6,0 |
| 3.4 | Từ 50 cuộc trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7,0 |
| 4.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm.<br>Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm. | 3,0 |
| 4.1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3,0 |
| 4.2 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:<br>Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$                                                                                                                                                                                                             |     |
| 4.3 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$                                                                                                                                                                                    |     |
| 5.  | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                  | 7,0 |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 5 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4,0 |
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5,0 |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6,0 |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7,0 |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 6.  | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4,0 |
| 6.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2,0 |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3,0 |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4,0 |
| 7.  | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4,0 |
| 7.1 | Dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2,0 |
| 7.2 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3,0 |
| 7.3 | Từ 10 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4,0 |
| 8.  | <b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5,0 |
| 8.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3,0 |
| 8.2 | Có từ 1 đến 3 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4,0 |
| 8.3 | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5,0 |
| 9.  | <b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                          | 5,0 |
| 9.1 | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3,0 |

|                     |                                                                                                                                                    |            |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 9.2                 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                           | 4,0        |
| 9.3                 | Từ 100 triệu đồng trở lên                                                                                                                          | 5,0        |
| <b>V</b>            | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>                                                            | <b>8,0</b> |
| 1.                  | Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với chi cục THADS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó | 3,0        |
| 2.                  | Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong tỉnh Bắc Giang                                                                            | 4,0        |
| 3.                  | Trong năm 2023 và 2024 có số lượng hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản nhiều nhất với Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang                    | 1,0        |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                                                                                                    | <b>100</b> |



